TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 813/2026/DS-PT. Ngày: 23 - 9 - 2026. V/v "Thừa kế theo pháp luật"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Bình – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 và 23/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2026/TLPT-DS ngày 20/03/2026 về việc tranh chấp: "*Thừa kế theo pháp luật*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 360/2025/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 875/2026/QĐ-PT ngày 07/4/2026 và Thông báo mở lại phiên toà số 560/TB-TA ngày 25/8/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc H**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp A, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số C M, Khu phố F, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Huỳnh Công V**, sinh năm 1992;

Địa chỉ thường trú: ấp A, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số A B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh **Nguyễn Xuân Q**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: D L, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Chị **Huỳnh Thị Tuyết M**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp A, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số A B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: **Luật sư Nguyễn Xuân Q** - Công ty L3 thuộc L4.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1974;

3.2. Ông **Huỳnh Ngọc L**, sinh năm 1973;

3.3. Ông **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1960;

3.4. Bà **Huỳnh Thị T1**, sinh năm 1962;

3.5. Ông **Huỳnh Văn H1**, sinh năm 1951;

3.6. Ông **Huỳnh Ngọc P1**, sinh năm 1957;

3.7. Ông **Đặng Văn B,** sinh năm 1954;

3.8. Ông **Huỳnh Thanh T2**, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: **Bị đơn – chị Huỳnh Thị Tuyết M.**

(Có mặt ông H, ông D, chị M và anh Q. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn- ông Huỳnh Ngọc H có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông H là con của cụ Huỳnh Văn C, sinh năm 1923 (mất năm 1969) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1925 (mất năm 2004).

Cụ K và cụ C có tất cả là là 08 người con gồm:

1. Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1940;

2. Huỳnh Công N, sinh năm 1945;

3. Huỳnh Văn D1, sinh năm 1949;

4. Huỳnh Văn H1, sinh năm 1951;

5. Huỳnh Ngọc P1, sinh năm 1957;

6. Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1962;

7. Huỳnh Thị T1, sinh năm 1964.

8. Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1966.

Ông N là con của cụ K và cụ C, khi còn sống ông N có tạo lập được 03 phần đất, cụ thể: Phần đất thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 25, diện tích là 3.568,6m^2; Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 25, diện tích là 726,4m^2; Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 25, diện tích là 965,0m^2, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã V, tỉnh Đồng Tháp). Ông N lúc còn sống không có vợ con nên phía cụ K là người thừa kế duy nhất của ông N.

Các phần đất trên, sau khi ông N mất, không để lại di chúc, phía bà H2 là người sống chung như vợ chồng của với ông N đã tự ý làm thủ tục sang tên và tặng cho lại phía chị M và anh V.

Do đó, nay ông H yêu cầu chia thừa kế phần tài sản cho phía cụ K và ông H là người đại diện các hàng thừa kế của cụ K để đứng tên tài sản được nhận, ông yêu cầu nhận phần đất thuộc thửa 25, tờ bản đồ 25 vì đây là phần đất có mồ mả của gia đình ông, tự nguyện để làm nơi chôn cất của gia đình và tự nguyện để mồ mả của phía gia đình chị M đã chôn cất, không yêu cầu di dời trên phần đất này.

Bị đơn - anh Huỳnh Công V và chị Huỳnh Thị Tuyết M trình bày:

Anh V và chị M là cháu nội của cụ N và cụ H2. Vào khoảng năm 2015, phía chị và anh V nhận tặng cho quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất từ phía bà nội là bà H2 và hiện tại cả hai đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Phần đất thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 25, diện tích là 3.568,6m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09000 ngày 12/11/2019; Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 25, diện tích là 726,4m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09001 ngày 12/11/2019; Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 25, diện tích là 965,0m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09002 ngày 12/11/2019, cả 03 thửa đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã V, tỉnh Đồng Tháp), do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (cũ) cấp cho Huỳnh Thị Tuyết M và anh Huỳnh Công V.

Việc bà H2 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng các phần đất là hợp pháp, không ai tranh chấp trong thời gian dài nên việc bà H2 cho chị và anh V là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên nay cả hai không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của phía nguyên đơn là ông H.

Ngoài ra, đối thửa đất số 242, tờ bản đồ số 25, diện tích là 726,4m^2 hiện chị và anh V đã bán cho ông Đặng Văn B nên cả hai không còn đứng tên quyền sử dụng đất nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Văn P, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn P2 trình bày:

Tất cả thống nhất là hàng thừa kế của cụ K, đồng ý để ông H đại diện đứng tên phần di sản của cụ K và xin vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T2 và ông B trình bày: Xin vắng mặt.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 360/2025/DS-ST ngày 20/11/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2, Đồng Tháp căn cứ Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc H.

Chia cho cụ Nguyễn Thị K một phần di sản của ông Huỳnh Công N có diện tích là 1.784,3m^2, thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 25, diện tích là 3.568,6m^2 (đo thực tế là 3568,4m^2), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09000 ngày 12/11/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (cũ) cấp cho Huỳnh Thị Tuyết M và anh Huỳnh Công V (có họa đồ kèm theo).

Ông Huỳnh Ngọc H là người đại diện của cụ K được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H, chị M và anh V được quyền liên hệ với cơ quan chức năng để được cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 03/12/2025, bị đơn - chị Huỳnh Thị Tuyết M có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn Huỳnh Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Huỳnh Thị Tuyết M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Thị Tuyết M tranh luận: Bản án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể là không đưa vợ, con của ông Huỳnh Văn D1 (chết năm 2012), ông Huỳnh Ngọc T3 (chết năm 2022) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Án sơ thẩm nhận định một kỷ phần thừa kế được hưởng là 913,3m^2 đất nhưng lại chia cho cụ K 1.784,3m^2 mà không nói rõ lý do vì sao. Tại giai đoạn phúc thẩm, chị M có yêu cầu đo đạc lại diện tích đất tranh chấp. Chị M và ông H thống nhất thoả thuận giao cho ông H (đại diện người thừa kế của cụ K) 604,8m^2 đất thuộc Thửa 25. Tuy nhiên, chị M và anh V không có khả năng hoàn trả giá trị đất chênh lệch cho ông H. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, đương sự và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng. Về nội dung: xét thấy tại phiên toà phúc thẩm giữa chị M và ông H thoả thuận được một phần về việc chia di sản và kỷ phần được hưởng. Cụ thể: anh V, chị M thống nhất giao cho ông H phần diện tích đất 604,8m^2 gắn với 02 ngôi mộ. Đối với diện tích đất 1.784,1m^2 còn lại thống nhất giao cho bị đơn, bên nào nhận nhiều hơn thì hoàn lại giá trị chênh lệch cho bên kia theo quy định. Sau đó lại thay đổi ý kiến không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Toà án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của ông N có 03 người: bà H2, cụ K và ông D. Đại diện hàng thừa kế của cụ K có 08 người nhưng Toà án không đưa đầy đủ những người thuộc hàng thừa kế của cụ K vào tham gia tố tụng (người kế thừa vợ con của ông T3 và ông D1 đã chết), là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của họ. Mặc dù trong giai đoạn phúc thẩm đã bổ sung, khắc phục nhưng các tài liệu chưa thể hiện rõ những người này tạm giao cho ông H đại diện đứng tên hay từ chối nhận di sản để cho ông H mà chỉ có bản tự khai, không chứng thực chữ ký, không có xác nhận mối quan hệ. Tất cả những người đại diện hàng thừa kế cụ K đều có đơn vắng mặt nên không thể tiến hành làm rõ được. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn chia kỷ phần cho ông H không đúng với kỷ phần được hưởng, chi phí tố tụng và án phí giải quyết chưa đúng quy định của pháp luật. Do cấp sơ thẩm vi phạm nhiều nội dung, đặc biệt là vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích của đương sự nên đề

nghị hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Do đề nghị huỷ án sơ thẩm nên chưa xem xét đến nội dung kháng cáo và các phần khác của bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của chị Huỳnh Thị Tuyết M còn trong thời hạn quy định nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị Tuyết M, thấy rằng:

[3.1]. Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: "Thừa kế theo pháp luật" và thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, các đương sự thống nhất trình bày cụ Huỳnh Văn C (chết năm 1969) và cụ Huỳnh Thị K1 (chết năm 2004) có 08 người con, trong đó có 02 người con đã chết là ông Huỳnh Ngọc T3 (sinh năm 1940, chết năm 2022, có vợ tên Nguyễn Thị C1, con tên Huỳnh Thị Bích T4, Huỳnh Thị Xuân T5, Huỳnh Ngọc P3, Huỳnh Thị T6, Huỳnh Nhật N1) và ông Huỳnh Văn D1 (sinh năm 1949, chết năm 2012, có vợ tên Nguyễn Thị T7, con tên Huỳnh Thị T8, Huỳnh Thị D2, Huỳnh Chí H3, Huỳnh Thị Kim L1, Huỳnh Chí L2, Huỳnh Trung T9, Huỳnh Thị Kim T10). Toà án cấp sơ thẩm không đưa vợ, con của ông T3, ông D1 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

[3.3]. Ông Huỳnh Công N chết ngày 27.12.1996, nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Công N ngày 04.4.1997. Toà án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ vì sao Uỷ ban nhân dân huyện lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Công N sau khi ông N đã chết để xác định tài sản của ông N chết để lại gồm những thửa đất nào.

[3.4]. Về việc phân chia di sản: Bản án sơ thẩm nhận định hàng thừa kế của ông N có 03 người gồm: bà K1, bà H2 và anh D, nên mỗi kỷ phần thừa kế được chia 913,3m^2 đất. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại quyết định chia cho cụ K1 1.783,4m^2 đất thuộc Thửa 25, tờ bản đồ 25, trị giá 535.290.000 đồng mà không buộc những người thừa kế của cụ K1 phải hoàn trả giá trị đất chênh lệch cho các đồng thừa kế khác của cụ K1 là chưa phù hợp, vì giá trị của mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng theo pháp luật là phần đất tương đương với số tiền 323.553.333 đồng.

[3.5]. Tại phiên toà, chị M và người đại diện theo uỷ quyền của anh V đồng ý chia cho cụ K1 phần đất có diện tích khoảng 1.078,5m^2 thuộc Thửa 25, tờ bản đồ 25 để các bên không phải hoàn trả giá trị đất chênh lệch cho nhau. Tuy nhiên, việc thoả thuận phân chia quyền sử dụng đất này phải căn cứ vào kết quả đo đạc thực tế

và phải được sự đồng ý của tất cả những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị K. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên toà mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định để đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[3.6]. Do huỷ án sơ thẩm nên hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Tuyết M.

[4]. Về án phí: Chị M không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho chị M là 300.000 đồng.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/- Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 360/2025/DS-ST ngày 20/11/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 2, Đồng Tháp.

Giao hồ sơ cho Toà án nhân dân Khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại vụ án theo quy định.

2/- Về án phí phúc thẩm: Chị Huỳnh Thị Tuyết M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009730 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 23/9/2026, có mặt ông H, anh Q.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV 02 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 02 - Đồng Tháp;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thắm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy